TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1686/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Nở

2/ Ông Trần Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4832/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị Phước N, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Số 90 V, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H), sinh năm 1984.
Quốc tịch: Hoa Kỳ (American).
Địa chỉ: 650 C Road, SJ, CA 95111, USA.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/3/2020, bản tự khai ngày 14/5/2020 nguyên đơn bà Lương Thị Phước N trình bày:

Bà và ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2019. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019 tại số 90 V, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh sau đó ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) trở về Hoa Kỳ sinh sống và từ đó ông bà phát sinh mâu thuẫn. Ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) thường xuyên ghen tuông vô cớ và xúc phạm bà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

bất đồng quan điểm, không còn quan tâm chăm sóc và tin tưởng lẫn nhau mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng do mỗi người một nơi nên không thành. Từ tháng 2/2020 ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) trở về Hoa Kỳ sinh sống và ông bà chỉ liên lạc qua điện thoại. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không có nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) để ổn định cuộc sống

Con chung: Bà Lương Thị Phước N khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị Phước N khai không có.

Ngày 04/6/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 420/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền Hoa Kỳ thông báo việc thụ lý vụ án và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 24 tháng 12 năm 2020, lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 22 tháng 01 năm 2021 và xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 22 tháng 02 năm 2020; lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 22 tháng 3 năm 2020 đối với ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H).

Ngày 07/7/2020, Bộ Tư pháp có công văn số 1442/CH-BTP đề nghị Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thực hiện ủy thác tư pháp nói trên của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và gửi kết quả về cho Bộ Tư pháp Cộng hòa xã hội chủ Nghĩa Việt Nam trong thời gian sớm nhất.

Ngày 04/8/2020, ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) có bản tự khai được chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự của Tổng Lãnh sự quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ với nội dung:

Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lương Thị Phước N vì ông bà không hợp về tính tình.

Con chung: Ông và bà Lương Thị Phước N không có con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Lương Thị Phước N không có bất kỳ tài sản hoặc nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 24/8/2020 nguyên đơn bà Lương Thị Phước N có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công việc.

Ngày 04/8/2020, bị đơn ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) có bản tự khai được xác nhận của chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự của Tổng Lãnh sự quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ với nội dung khi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết ông xin được vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà bà Lương Thị Phước N được ly hôn với ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) đang cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét bà Lương Thị Phước N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H), bà Lương Thị Phước N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Lương Thị Phước N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2019 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Thị Phước N và ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà Ngọc và ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) thì sau khi kết hôn, ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) quay về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, giữa hai vợ chồng ít có thời gian liên lạc, giữa ông bà không hợp nhau về tính tình. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà Ngọc đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H), ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) cũng có văn bản đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Ngọc nhưng do ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) không thể về Việt Nam tham gia quá trình tố tụng nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình;

nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà Ngọc và ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc tuyên bà Lương Thị Phước N được ly hôn với ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: Bà Lương Thị Phước N và ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị Phước N và ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lương Thị Phước N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chi phí ủy thác tư pháp: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn bà Lương Thị Phước N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại Khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Ngọc đã nộp đủ;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm b Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Phước N.

Quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Phước N được ly hôn với ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H).

Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2019 cho bà Lương Thị Phước N và ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lương Thị Phước N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0045967 ngày 20/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lương Thị Phước N đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Lương Thị Phước N nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Nguyen Hoang N (Nguyen, Nam H) thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án đuợc tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân Quận 4 TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nở **Trần Văn Cảnh** **Lê Phan Thị Minh Nguyệt**



Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân Quận 4 TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nam **Trần Văn Cảnh** **Lê Phan Thị Minh Nguyệt**